

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Điện thoại: (0225) 3978895 - Fax: (0225) 3978895

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
kèm theo
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 ngõ 1295, đường Giải Phóng, Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3 974 5081/82

Fax: (024) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 3 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Điện thoại: (0225) 3978895 - Fax: (0225) 3978895

Mục lục

Nội dung	Trang số
Báo cáo Hội đồng quản trị và Ban giám đốc	2-3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán <i>Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017</i>	6 - 7
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính 2017</i>	8
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính 2017</i>	9
<i>Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2017</i>	10 - 41

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI Báo cáo của Ban Giám đốc

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng Cho năm tài chính
Điện thoại: (0225) 3978895 - Fax: (0225) 3978895 Kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Khái quát chung về Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải

Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200793081, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/03/2008 và đăng kí thay đổi lần thứ 12 ngày 25/08/2015.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 47/2009/GCNCP - VSD do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 01/09/2009, thay đổi lần thứ 5 ngày 05/08/2015. Tổng số lượng chứng khoán niêm yết là 18.711.000 cổ phiếu tương ứng với giá trị chứng khoán niêm yết là 187.110.000.000đồng.

Công ty có trụ sở tại: số 189 Đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

1 Ông Lê Thái Cường	Chủ tịch HĐQT
2 Ông Đặng Tiếp	Ủy viên
3 Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	Ủy viên
4 Ông Hoàng Anh Dũng	Ủy viên
5 Bà Vũ Thị Phú	Ủy viên
6 Bà Đào Kim Phương	Ủy viên
7 Ông Đào Việt Anh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 17/10/2017)
8 Bà Nguyễn Thị Hồng Mai	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 17/10/2017)

Ban Tổng Giám đốc:

1 Ông Đặng Tiếp	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17/10/2017)
2 Ông Lê Thái Cường	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24/04/2017 miễn nhiệm ngày 17/10/2017)
3 Bà Đào Kim Phương	Quyền Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19/04/2017 miễn nhiệm ngày 22/04/2017)
4 Ông Lê Quang Huy	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 19/4/2017)
5 Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc
6 Bà Trịnh Thị Huế	Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 24/07/2017
7 Ông Trịnh Quốc Hữu	Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 24/07/2017 miễn nhiệm ngày 31/01/2018)

8 Ông Bùi Tuấn mạnh

Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 24/07/2017 miễn nhiệm ngày 31/01/2018)

9 Bà Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát:

1 Bà Cao Thu Hằng

Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 22/04/2017)

2 Ông Trần Xuân Trường

Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 14/04/2017)

3 Bà Trần Thị Kim Hồng

Thành viên

4 Bà Văn Thị Thanh Bình

Thành viên

Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đại diện cho

Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Thái Cường

Hải Phòng, ngày 21 tháng 02 năm 2018



Số: 27 /2018/CPA HANOI - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
của Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải*

Kính gửi:

CÁC CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải được lập ngày 21/02/2017, trình bày từ trang 06 đến trang 41 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán, được lập thành 07 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải giữ 06 bản, Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI



Lê Văn Tuấn

Giấy CNĐKHNKT số: 1695-2018-016-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Phấn

Giấy CNĐKHNKT số: 0928-2018-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A.TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		113.057.029.859	109.742.727.711
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	72.026.993.746	65.184.255.549
1.Tiền	111		7.026.993.746	13.684.255.549
2.Các khoản tương đương tiền	112		65.000.000.000	51.500.000.000
II.Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.903.519.530	34.369.222.594
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	23.153.773.949	25.381.782.246
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.465.323.750	3.338.913.588
3.Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.3.1	7.284.421.831	5.648.526.760
IV.Hàng tồn kho	140	V.4	5.758.813.862	7.192.982.508
1.Hàng tồn kho	141		7.258.813.862	8.692.982.508
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		3.367.702.721	2.996.267.060
1.Chí phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.1	811.395.408	545.984.310
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.354.896.281	2.365.446.288
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11b	201.411.032	84.836.462
B.TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	200		119.331.846.696	137.073.169.153
I.Các khoản phải thu dài hạn	210		4.794.956.890	4.817.450.890
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		2.472.000.000	2.472.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.3.2	2.322.956.890	2.345.450.890
II.Tài sản cố định	220		97.487.002.066	111.593.395.979
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	90.317.148.531	103.994.319.520
- Nguyên giá	222		185.698.366.657	186.354.948.820
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(95.381.218.126)	(82.360.629.300)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	7.169.853.535	7.599.076.459
- Nguyên giá	228		12.418.804.956	12.418.804.956
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(5.248.951.421)	(4.819.728.497)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.664.839.606	20.000.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	2.664.839.606	20.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14.385.048.134	20.642.322.284
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.2	2.563.882.388	3.059.334.034
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15a	(20.669.466)	45.152.248
3. Lợi thế thương mại	269	V.8.3	11.841.835.212	17.537.836.002
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		232.388.876.555	246.815.896.864

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

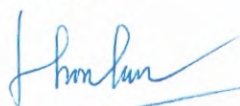
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

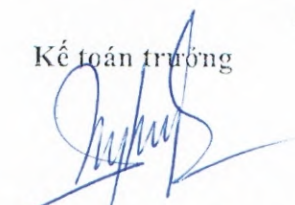
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		20.495.905.123	25.533.368.506
I. Nợ ngắn hạn	310		14.254.083.204	16.550.568.076
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	6.462.080.218	8.010.721.220
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		261.943.930	60.142.347
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11a	1.967.004.122	2.154.982.692
4. Phải trả người lao động	314		1.392.935.171	1.409.644.391
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	164.388.000	59.536.500
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14.1	87.018.185	553.591.992
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13.1	2.822.087.451	3.355.193.598
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.9	-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.096.626.127	946.755.336
II. Nợ dài hạn	330		6.241.821.919	8.982.800.430
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.14.2	53.055.165	1.533.815.341
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.13.2	5.824.307.000	6.989.254.742
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.15b	364.459.754	459.730.347
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		211.892.971.432	221.282.528.358
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	211.892.971.432	221.282.528.358
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		187.110.000.000	187.110.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		173.152.660.000	177.108.660.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.287.359.500	9.287.359.500
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(15.682.334.790)	(11.148.095.412)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.294.093.751	5.341.233.793
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.365.867.017	30.115.647.602
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		6.733.231.372	2.471.598.644
- LNST chưa phân phối năm này	421b		17.632.635.645	27.644.048.958
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		517.985.954	576.382.875
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		232.388.876.555	246.815.896.864

Người lập biểu



Hoàng Thị Ngọc Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 26 tháng 02 năm 2018



Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Thái Cường

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

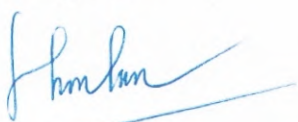
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1		2	3	4	5
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	159.958.833.285	157.411.500.319
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		159.958.833.285	157.411.500.319
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.3	121.306.879.310	116.680.198.812
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.651.953.975	40.731.301.507
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3.245.536.258	2.796.029.285
7.	Chi phí tài chính	22	VI.5	59.828.905	114.307.864
	- Trong đó: chi phí lãi vay	23		53.961.218	75.856.112
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	19.213.891.845	18.970.211.714
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.623.769.483	24.442.811.214
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	1.025.120.772	24.926.359.135
12.	Chi phí khác	32	VI.8	86.024.083	14.055.638.142
13.	Lợi nhuận khác	40		939.096.689	10.870.720.993
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.562.866.172	35.313.532.207
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	5.951.019.539	7.331.295.678
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(53.180.339)	213.592.944
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		17.665.026.972	27.768.643.585
17.1	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		17.632.635.645	27.644.048.958
17.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		32.391.327	124.594.627
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	975	1.415

Người lập biểu



Hoàng Thị Ngọc Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 21 tháng 02 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng quản trị




Lê Thái Cường

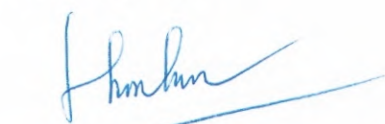
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**(Theo phương pháp trực tiếp)****Năm 2017**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		176.546.733.854	168.772.491.558
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(104.358.123.656)	(101.248.223.422)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.865.091.977)	(17.291.904.873)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(53.961.218)	(75.856.112)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(6.202.881.404)	(8.170.276.746)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		136.235.979.336	147.319.577.500
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(149.449.534.052)	(153.146.499.209)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		35.853.120.883	36.159.308.696
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.906.674.788)	(29.692.824.156)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.953.972.493	15.901.733.773
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(134.300.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		134.300.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.789.912.807	3.027.787.621
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.162.789.488)	(10.763.302.762)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		(4.534.239.378)	(8.621.965.512)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VII.1	19.554.840.000	41.944.207.228
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.2	(19.554.840.000)	(41.950.479.955)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(21.313.832.027)	(22.206.602.397)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(25.848.071.405)	(30.834.840.636)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		6.842.259.990	(5.438.834.702)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		65.184.255.549	70.622.936.517
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		478.207	153.734
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		72.026.993.746	65.184.255.549

Người lập biểu



Hoàng Thị Ngọc Lan

Hải Phòng, ngày 21 tháng 02 năm 2018

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Thái Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI **Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Cho năm tài chính

Điện thoại: (0225) 3978895 - Fax: (0225) 3978895

Kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200793081, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/03/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 25/08/2015.

Công ty có trụ sở tại: số 189 Đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Vốn điều lệ của Công ty trên đăng ký kinh doanh là: 187.110.000.000 đồng

(Bảng chữ: Một trăm tám mươi bảy tỷ một trăm mười triệu đồng).

2 Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại và dịch vụ

3 Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ. Chi tiết : vận tải hàng hoá bằng ô tô, xe container.
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết : Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung); Dịch vụ logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển.
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết : Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm và chế phẩm vệ sinh.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng).
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc.
- Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương.
- Vận tải hàng hoá đường sắt.
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hoá; Cho thuê container.
- Cho thuê xe có động cơ.

4 Danh sách Công ty con quan trọng được hợp nhất

Số các công ty con được hợp nhất: 06

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI **Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Cho năm tài chính

Điện thoại: (0225) 3978895 - Fax: (0225) 3978895

Kết thúc ngày 31/12/2017

Số các công ty con không được hợp nhất: 0

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích tại ngày 31/12/2017	Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2017
1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Địa chỉ: km104+200, đường Nguyễn Bình Khiêm, P Đông Hải 2, Q Hải An, TP Hải Phòng	99,68%	99,68%
2 Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng	99,35%	99,35%
3 Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	Địa chỉ: Phòng 212 nhà N3, Lê Văn Lương, Trung Hoà - Nhân Chính, P Nhân Chính, Q Thanh Xuân, TP Hà Nội.	100,00%	100,00%
4 Công ty TNHH Container Minh Thành	Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng	99,947%	99,947%
5 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng	99,00%	99,00%
6 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Địa chỉ: Lô số 2, khu công nghiệp Thụy Vân, xã Thụy Vân, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	100,00%	100,00%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Kỳ kế toán năm : bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.
- Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính là: Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính; Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các Thông tư sửa đổi bổ sung kèm theo.

- Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Chúng tôi, Công ty cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

1 Các loại tỷ giá hối đoái sử dụng trong kế toán:

a Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế:

- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:
- + Tỷ giá giao dịch khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại.
- + Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

b Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ: Tỷ giá ghi sổ gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.

- Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh: Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.

- Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ tài khoản tiền chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán.

c Nguyên tắc áp dụng tỷ giá trong kế toán:

- Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với:

- + Các tài khoản phản ánh doanh thu, thu nhập khác. Riêng trường hợp bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ hoặc thu nhập có liên quan đến doanh thu nhận trước hoặc giao dịch nhận trước của người mua thì doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢIThuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Cho năm tài chính

Điện thoại: (0225) 3978895 - Fax: (0225) 3978895

Kết thúc ngày 31/12/2017

- + Các tài khoản phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác. Riêng trường hợp phân bổ khoản chi phí nhận trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thì chi phí được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước.
- + Các tài khoản phản ánh tài sản. Riêng trường hợp tài sản được mua có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán thì giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán.
- + Tài khoản loại vốn chủ sở hữu.
- + Bên Nợ các tài khoản phải thu; Bên Nợ các tài khoản vốn bằng tiền; Bên Nợ các tài khoản phải trả khi phát sinh giao dịch trả tiền trước cho người bán.
- + Bên Có các tài khoản phải trả; Bên Có các tài khoản phải thu khi phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua.
- Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các loại tài khoản sau:
 - + Bên Có các tài khoản phải thu (ngoại trừ trường hợp giao dịch nhận trước tiền của người mua); Bên Nợ tài khoản phải thu khi tất toán khoản tiền nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hoá, TSCĐ, cung cấp dịch vụ, khối lượng được nghiệm thu; Bên Có các tài khoản ký cược, ký quỹ, chi phí trả trước.
 - + Bên Nợ các tài khoản phải trả (ngoại trừ giao dịch trả trước tiền cho người bán); Bên Có tài khoản phải trả khi tất toán khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hoá, TSCĐ, dịch vụ, nghiệm thu khối lượng.
- + Trường hợp trong kỳ phát sinh nhiều khoản thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch đối với các đối tượng đó.
- Khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ, tỷ giá bình quân gia quyền di động được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở Bên Có các tài khoản tiền.

2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư khác có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận theo giá gốc.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢIThuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Cho năm tài chính

Điện thoại: (0225) 3978895 - Fax: (0225) 3978895

Kết thúc ngày 31/12/2017

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư hoặc ngày mua trái phiếu.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho không bao gồm giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

Những chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho:

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp....

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Tăng giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn.

6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc thiết bị	03 - 12 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	03 - 10 năm
Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
Tài sản cố định vô hình	03 - 50 năm

7 Nguyên tắc kế toán các hợp đồng, hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Trong mọi trường hợp, khi nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng cho hoạt động hợp tác kinh doanh, bên nhận phải kế toán là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh theo hình thức tài sản đồng kiểm soát mỗi bên tham gia được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các khoản chi phí phát sinh riêng cho hoạt động này bên nào bỏ ra bên đó gánh chịu. Đối với các khoản chi phí chung (nếu có) thì căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng để phân chia cho các bên góp vốn.

8 Nguyên tắc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế ngoại trừ:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi các công ty trong Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự tính thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

9 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

- Các loại chi phí trả trước dài hạn bao gồm
- Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động tài sản cố định.
- Chi phí mua bảo hiểm và các loại lệ phí mà doanh nghiệp mua và trả một lần cho nhiều kỳ kế toán.
- Công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển đồ dùng cho thuê liên quan đến hoạt động nhiều kỳ kế toán.
- Chi phí trả trước về lãi tiền vay hoặc lãi trái phiếu ngay khi phát hành.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn, doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ và phân bổ tối đa không quá 3 năm
- Số chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại là thuê hoạt động.

- Trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn tới quan hệ công ty mẹ - công ty con có phát sinh lợi thế thương mại hoặc khi cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước có phát sinh lợi thế kinh doanh.
- Các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

10 Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, và các khoản phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là phải trả ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

11 Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hoá.

Đối với các khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

12 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

13 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hoá đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Ngoài ra chi phí phải trả còn phản ánh các khoản phải trả cho người lao động trong kỳ như phải trả về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước như:

Chi phí trong thời gian doanh nghiệp ngừng sản xuất theo mùa vụ.

Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả trong trường hợp vay trả lãi sau, lãi trái phiếu trả sau.

Trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng hoá, thành phẩm bất động sản đã bán.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

14 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

Các khoản dự phòng phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại nhưng thường chưa xác định được thời gian thanh toán cụ thể. Các khoản này được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra.
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Các khoản dự phòng phải trả này thường được ước tính và có thể chưa xác định được chắc chắn số sẽ phải trả. Các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa nhận hàng hoá, hàng hoá dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả. Các trích trước được phản ánh vào dự phòng phải trả được, như:

Chi phí sửa chữa lớn của những tài sản đặc thù do việc sửa chữa lớn có tính chu kỳ, doanh nghiệp được phép trích trước chi phí sửa chữa lớn cho năm kế hoạch hoặc một số năm tiếp theo.

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây dựng, tái cơ cấu;

Các khoản dự phòng phải trả khác.

15 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện:

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thông... Không hạch toán vào doanh thu chưa thực hiện các khoản:

- Tiền nhận trước của người mua mà doanh nghiệp chưa cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ;
- Doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ;

16 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu bao gồm:
 - + Vốn góp ban đầu, góp bổ sung của các chủ sở hữu.
 - + Các khoản được bổ sung từ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

17 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng, được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢIThuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Cho năm tài chính

Điện thoại: (0225) 3978895 - Fax: (0225) 3978895

Kết thúc ngày 31/12/2017

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng khi mua hàng hoá dịch vụ...

Cổ tức lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.

Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

Lãi tỷ giá hối đoái và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

18 Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu được điều chỉnh giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì được coi là sự kiện cần được điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước sau điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

19 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kỳ. Ngoài ra nó phản ánh đến các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn trong kỳ.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua nếu khi xuất bán hàng hoá mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì ghi giảm giá vốn hàng bán.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ được ghi giảm giá vốn hàng bán.

20 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được ghi giảm chi phí tài chính tài chính.

21 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng của doanh nghiệp là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản hoàn nhập dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hoá (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) thì ghi giảm chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương và trích theo lương của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Hoàn nhập số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

22 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm.

Hoàn lại tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢIThuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Cho năm tài chính

Điện thoại: (0225) 3978895 - Fax: (0225) 3978895

Kết thúc ngày 31/12/2017

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: VND)

1. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.228.481.081	1.053.636.355
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	180.844.091	330.533.653
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	32.991.405	140.043.611
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	8.599.481	78.415.476
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	824.965.031	286.266.405
Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải	146.461.018	78.715.758
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	17.159.605	4.121.054
Công ty TNHH Container Minh Thành	17.460.450	135.540.398
- Tiền gửi Ngân hàng	5.798.512.665	12.630.619.194
<i>Tiền gửi VND</i>	<i>5.705.204.133</i>	<i>12.630.619.194</i>
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	1.888.685.270	1.967.037.445
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	261.268.449	789.373.704
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	599.739.743	3.359.151.328
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	919.360.137	48.921.007
Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải	1.780.828.312	1.976.762.715
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	87.990.377	5.156.052
Công ty TNHH Container Minh Thành	167.331.845	4.484.216.943
<i>Tiền gửi ngoại tệ</i>	<i>93.308.532</i>	-
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	25.656.763	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	60.179.450	-
Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải	7.472.319	-
- Các khoản tương đương tiền	65.000.000.000	51.500.000.000
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	65.000.000.000	51.500.000.000
Cộng	72.026.993.746	65.184.255.549

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Điện thoại: (0225) 3978895 - Fax: (0225) 3978895

Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho năm tài chính****Kết thúc ngày 31/12/2017**

2.	Phải thu khách hàng	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	Phải thu khách hàng ngắn hạn	23.153.773.949	-	25.381.782.246	-
a	Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	507.408.160	-	1.638.262.815	-
b	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	1.791.873.763	-	1.369.389.287	-
c	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	18.003.141.326	-	19.429.531.576	-
d	Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	1.309.483.675	-	1.393.473.046	-
e	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	1.094.425.894	-	1.122.900.744	-
f	Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	4.438.800	-	204.305.676	-
g	Công ty TNHH Container Minh Thành	443.002.331	-	223.919.102	-
3.	Phải thu khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
3.1	Phải thu khác ngắn hạn	7.284.421.831	-	5.648.526.760	-
a	Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	588.815.112	-	36.000.000	-
b	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	762.561.130	-	783.073.933	-
c	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	4.249.127.373	-	3.159.238.987	-
d	Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	1.501.785.916	-	1.574.410.629	-
e	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	127.132.300	-	83.132.300	-
f	Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	45.000.000	-	9.670.911	-
g	Công ty TNHH Container Minh Thành	10.000.000	-	3.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Điện thoại: (0225) 3978895 - Fax: (0225) 3978895

Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho năm tài chính****Kết thúc ngày 31/12/2017**

3.2	Phải thu khác dài hạn	2.322.956.890		2.345.450.890	
a	Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	32.013.572	-	54.507.572	-
b	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	2.255.000.000	-	2.255.000.000	-
c	Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	35.943.318	-	35.943.318	-
4.	Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>a</i>	<i>Nguyên liệu vật liệu</i>	<i>13.873.448</i>	<i>-</i>	<i>75.457.281</i>	<i>-</i>
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	13.873.448		75.457.281	
<i>b</i>	<i>Chi phí sản xuất KD dở dang</i>	<i>417.914.539</i>	<i>-</i>	<i>333.104.966</i>	<i>-</i>
	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	417.914.539		333.104.966	
<i>c</i>	<i>Hàng hoá</i>	<i>6.827.025.875</i>	<i>(1.500.000.000)</i>	<i>8.284.420.261</i>	<i>(1.500.000.000)</i>
	Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	2.296.257.484	(1.500.000.000)	2.296.257.484	(1.500.000.000)
	Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	3.161.809.162		4.917.490.000	
	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	1.368.959.229		1.070.672.777	
Cộng giá gốc hàng tồn kho		7.258.813.862	(1.500.000.000)	8.692.982.508	(1.500.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Điện thoại: (0225) 3978895 - Fax: (0225) 3978895

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2017

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm	123.748.064.896	16.421.407.919	45.355.540.292	829.935.713	186.354.948.820
- Mua trong năm	-	972.454.545	-	33.698.000	1.006.152.545
- XDCB hoàn thành	6.626.155.515	-	-	-	6.626.155.515
- Tăng khác do hợp nhất kinh doanh	-	2.291.535.597	-	-	2.291.535.597
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Giảm do hợp nhất kinh doanh	157.273.038	-	172.645.163	-	329.918.201
- Thanh lý, nhượng bán	2.130.042.370	2.524.508.090	5.959.870.798	-	10.614.421.258
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	128.086.905.003	17.160.889.971	39.586.937.970	863.633.713	185.698.366.657
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	42.847.839.934	11.894.968.025	26.877.713.707	740.107.634	82.360.629.300
- Khấu hao trong năm	9.092.833.623	2.005.543.328	6.359.028.842	74.579.711	17.531.985.504
- Tăng khác do hợp nhất kinh doanh	-	2.293.094.847	-	-	2.293.094.847
- Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	84.724.015	-	84.724.015
- Thanh lý, nhượng bán	557.145.701	2.293.094.847	4.007.679.362	-	6.857.919.910
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	51.383.527.856	13.900.511.353	29.282.491.572	814.687.345	95.381.218.126
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm	80.900.224.962	4.526.439.894	18.477.826.585	89.828.079	103.994.319.520
- Tại ngày cuối năm	76.703.377.147	3.260.378.618	10.304.446.398	48.946.368	90.317.148.531

Note: Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 20.005.616.012 đồng

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	TSCĐ VH khác	Cộng
Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	12.348.804.956	70.000.000	12.418.804.956
2. Số tăng trong năm	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
4. Số dư cuối năm	12.348.804.956	70.000.000	12.418.804.956
Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm	4.749.728.497	70.000.000	4.819.728.497
2. Số tăng trong năm	429.222.924	-	429.222.924
- Khấu hao trong năm	429.222.924		429.222.924
- Tăng khác			-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán			-
- Giảm khác			-
4. Số dư cuối năm	5.178.951.421	70.000.000	5.248.951.421
Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	7.599.076.459	-	7.599.076.459
2. Tại ngày cuối năm	7.169.853.535	-	7.169.853.535

7. Chi phí XDCB dở dang:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Container Minh Thành	2.266.089.151	20.000.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	190.909.091	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	207.841.364	-
Cộng	2.664.839.606	20.000.000

8. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn	811.395.408	545.984.310
Chi phí sửa chữa TSCĐ	497.926.550	277.234.560
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	184.213.678	120.904.881
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	129.255.180	147.844.869
8.2 Chi phí trả trước dài hạn	2.563.882.388	3.059.334.034
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.673.204.345	2.287.982.580
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	522.246.109	436.869.716

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Đo đạc bản đồ, lập quy hoạch bãi	64.393.947	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	304.037.987	334.481.738
8.3 Lợi thế thương mại	11.841.835.212	17.537.836.002
Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải	1.295.567.748	2.591.135.497
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	2.490.969.840	4.981.939.679
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	377.309.934	754.619.868
Công ty TNHH Container Minh Thành	7.677.987.690	9.210.140.958

9. Vay và nợ thuê tài chính

Nội dung	Cuối năm	Trong năm		Đầu năm
		Tăng	Giảm	
Công ty TNHH VT Duyên hải Phú Thọ	-	19.554.840.000	19.554.840.000	-

10. Phải trả người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>	6.462.080.218	8.010.721.220
a Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	196.498.695	141.068.874
b Công ty TNHH Container Minh Thành	4.950.000	4.950.000
c Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	29.664.600	251.494.900
d Cty TNHH SX và TM Duyên hải	1.315.595.712	1.286.686.884
e Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	780.899.884	772.596.235
f Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	4.093.703.500	5.542.256.500
g Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	40.767.827	11.667.827

Tất cả các khoản phải trả trên đều là nợ trong hạn và Công ty có khả năng thanh toán

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước - phụ lục 1

12. Chi phí phải trả:	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i>		
Tiền hoa hồng nâng hạ phải trả	164.388.000	59.536.500
Cộng	164.388.000	59.536.500

13. Các khoản phải trả khác	Số cuối năm	Số đầu năm
13.1 Ngắn hạn	2.822.087.451	3.355.193.598
<i>Bảo hiểm xã hội</i>	-	-
<i>Bảo hiểm Y Tế</i>	-	-
<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>	-	-
<i>Cổ tức lợi nhuận phải trả</i>	<i>633.460.700</i>	<i>569.658.900</i>
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	633.460.700	569.658.900
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>2.188.626.751</i>	<i>2.785.534.698</i>
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	902.440.528	1.609.481.309
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	-	27.000.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	413.205.000	354.390.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	10.360.000	12.204.969
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	807.621.223	781.458.420
Công ty TNHH Container Minh Thành	30.000.000	1.000.000
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	25.000.000	-
13.2 Dài hạn	5.824.307.000	6.989.254.742
<i>Phải trả ký quỹ, ký cược dài hạn</i>	<i>5.824.307.000</i>	<i>6.989.254.742</i>
Công ty CP Vận tải Đa Phương thức Duyên Hải	3.000.000	58.000.000
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	5.602.307.000	6.828.004.742
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	3.250.000
Công ty TNHH Container Minh Thành	219.000.000	100.000.000
14. Doanh thu chưa thực hiện	Số cuối năm	Số đầu năm
14.1 Ngắn hạn	87.018.185	553.591.992
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	-	491.773.810
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	25.200.000	-
Công ty TNHH Container Minh Thành	61.818.185	61.818.182
14.2 Dài hạn	53.055.165	1.533.815.341
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	53.055.165	1.533.815.341

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI **Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng Cho năm tài chính

Điện thoại: (0225) 3978895 - Fax: (0225) 3978895

Kết thúc ngày 31/12/2017

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả:

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(20.669.466)	45.152.248
Cộng tài sản thuế thu nhập DN hoãn lại	(20.669.466)	45.152.248
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	364.459.754	459.730.347
Cộng thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	364.459.754	459.730.347

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Điện thoại: (0225) 3978895 - Fax: (0225) 3978895

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2017

16. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu**A- Bảng đối chiếu biến động nguồn vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	187.110.000.000	9.287.359.500	(2.526.129.900)	928.446.219	4.395.865.839	27.039.816.488	226.235.358.146
- Tăng vốn trong năm trước	-		(8.621.965.512)				(8.621.965.512)
- Lãi trong năm trước						27.644.048.958	27.644.048.958
- Tăng khác					952.756.321	-	952.756.321
- Giảm vốn vốn năm trước					7.388.367		7.388.367
- Giảm khác năm trước				352.063.344		24.568.217.844	24.920.281.188
2. Số dư cuối năm trước	187.110.000.000	9.287.359.500	(11.148.095.412)	576.382.875	5.341.233.793	30.115.647.602	221.282.528.358
3. Số dư đầu năm này	187.110.000.000	9.287.359.500	(11.148.095.412)	576.382.875	5.341.233.793	30.115.647.602	221.282.528.358
- Tăng vốn trong nay			(4.534.239.378)				(4.534.239.378)
- Lãi trong năm (Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ)						17.632.635.645	17.632.635.645
- Tăng khác					952.859.958		952.859.958
- Giảm vốn trong năm							-
- Giảm khác trong năm				58.396.921		23.382.416.230	23.440.813.151
4. Số dư cuối năm	187.110.000.000	9.287.359.500	(15.682.334.790)	517.985.954	6.294.093.751	24.365.867.017	211.892.971.432

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI **Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Cho năm tài chính

Điện thoại: (0225) 3978895 - Fax: (0225) 3978895

Kết thúc ngày 31/12/2017

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	173.152.660.000	177.108.660.000
Cổ phiếu quỹ	13.957.340.000	10.001.340.000
Cộng	187.110.000.000	187.110.000.000

C. Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng

Theo giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 14/GCN- UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 07/04/2015

Số lượng chứng khoán chào bán : 3.303.000 cổ phiếu

Giá trị cổ phiếu theo giá chào bán (11.500 đồng/CP) 37.984.500.000 đồng

Chi phí phát hành cổ phiếu 142.000.000 đồng

Tổng số lượng vốn huy động từ đợt chào bán 37.842.500.000 đồng

Ngày hoàn thành đợt chào bán 24/07/2015

Tổng số tiền huy động từ đợt chào bán Công ty đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng NH BIDV- CN Đông Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

- HĐ số 685/2017/HĐTG.323.2285181/HĐTG.323.2017 ngày 01/12/2017: 7.000.000.000 đồng

- HĐ số 015/2017/HĐTG.323.2285181/HĐTG.323.2017 ngày 03/11/2017: 32.000.000.000 đồng

C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	187.110.000.000	187.110.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	187.110.000.000	187.110.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong đó	21.377.633.827	22.243.827.448
Cổ đông của công ty mẹ	21.253.039.200	22.153.039.200
Cổ đông không kiểm soát	124.594.627	90.788.248

Đ. Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.711.000	18.711.000
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	17.315.266	17.710.866
+ Cổ phiếu phổ thông	17.315.266	17.710.866
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.395.734	1.000.134
+ Cổ phiếu phổ thông	1.395.734	1.000.134

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI **Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Cho năm tài chính

Điện thoại: (0225) 3978895 - Fax: (0225) 3978895

Kết thúc ngày 31/12/2017

+ Cổ phiếu ưu đãi

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.315.266	17.710.866
-----------------------------------	------------	------------

+ Cổ phiếu phổ thông	17.315.266	17.710.866
----------------------	------------	------------

+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
-------------------	---	---

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ 1 Cổ phiếu

E. Cổ tức	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	Chưa công bố	12%
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:		
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:		

F Các quỹ doanh nghiệp	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	6.294.093.751	5.341.233.793

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (ĐVT: VND)

1. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu vận tải	86.629.094.385	83.756.911.473
Doanh thu khai thác CFS	24.858.078.833	20.175.061.731
Doanh thu bãi	25.493.816.058	29.112.349.796
Doanh thu Shipline	-	867.183.545
Doanh thu thương mại, dịch vụ	22.977.844.009	23.499.993.774
Cộng	159.958.833.285	157.411.500.319
2. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn vận tải	64.086.994.868	64.010.681.609
Giá vốn kho CFS	19.490.931.178	14.605.536.722
Giá vốn bãi	19.833.346.935	19.443.522.866
Giá vốn xuất tàu Shipline	-	732.726.847
Giá vốn thương mại, dịch vụ	17.895.606.329	17.887.730.768
Cộng	121.306.879.310	116.680.198.812
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá	612.339	3.864.404
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.244.923.919	2.792.164.881
Cộng	3.245.536.258	2.796.029.285
5. Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay, phí bảo lãnh	53.961.218	75.856.112

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Cho năm tài chính

Điện thoại: (0225) 3978895 - Fax: (0225) 3978895

Kết thúc ngày 31/12/2017

	Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.867.687	9.119.243
	Chi phí tài chính khác	-	29.332.509
	Cộng	59.828.905	114.307.864
6.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
	Chi phí nhân viên quản lý	4.467.039.357	4.549.238.512
	Chi phí khấu hao TSCĐ	881.199.538	889.391.126
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.659.074.012	4.986.729.753
	Thuế, phí lệ phí	1.950.746.148	2.051.648.097
	Chi phí bằng tiền khác	559.832.000	797.203.436
	Lợi thế thương mại	5.696.000.790	5.696.000.790
	Cộng	19.213.891.845	18.970.211.714
7.	Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
	Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	736.082.414	24.893.349.500
	Thu nhập khác	289.038.358	33.009.635
	Cộng	1.025.120.772	24.926.359.135
8.	Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
	Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	86.024.083	14.055.638.142
	Cộng	86.024.083	14.055.638.142
9.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.951.019.539	7.331.295.678
	Cộng	5.951.019.539	7.331.295.678
10.	Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
	Chi phí nguyên vật liệu	7.347.856.541	7.167.849.035
	Chi phí nhân công	17.265.201.308	17.370.635.141
	Chi phí khấu hao TSCĐ	17.961.208.428	17.212.777.343
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	90.275.868.201	85.884.207.381
	Phân bổ lợi thế thương mại	5.696.000.790	5.696.000.790
	Chi phí khác bằng tiền	1.974.635.887	2.318.940.836
	Cộng	140.520.771.155	135.650.410.526

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.665.026.972	27.768.643.585
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty Mẹ	17.632.635.645	27.644.048.958
Số cổ phiếu lưu hành đầu kỳ	17.710.866	18.460.866
Số cổ phiếu phát hành thêm	-	-
Số cổ phiếu lưu hành bình quân	17.589.487	18.349.838
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi trích dự kiến theo NQĐHĐCĐTN năm 2017	474.111.845	1.679.318.891
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	975	1.415

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (VND)

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

Trong năm không có khoản tiền nào do doanh nghiệp nắm giữ mà không được sử dụng.

	Năm nay	Năm trước
		VND
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	19.554.840.000	41.944.207.228
2. Tiền chi trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường và hợp đồng vay	19.554.840.000	41.950.479.955

Toàn bộ số tiền vay và chi trả trong kỳ do Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ vay của ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt nam- chi nhánh Phú Thọ

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm: vốn điều lệ cộng với thặng dư vốn cổ phần trừ đi cổ phiếu quỹ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND
- Tiền và các khoản tương đương tiền	72.026.993.746	72.026.993.746

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	31.903.519.530	31.903.519.530
--	----------------	----------------

Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công nợ Tài chính tại 31/12/2017	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán	6.462.080.218	-	6.462.080.218
Các khoản phải trả khác	2.822.087.451	5.824.307.000	8.646.394.451
Chi phí phải trả	164.388.000	-	164.388.000

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

2. Thông tin về các bên liên quan khác

2.1 Tên tổ chức/ cá nhân có liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	Công ty con
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	Công ty con
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI **Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Cho năm tài chính

Điện thoại: (0225) 3978895 - Fax: (0225) 3978895

Kết thúc ngày 31/12/2017

Công ty Cổ phần hàng hải MACS	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Thành Lê	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV quản lý Quỹ ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Cổ đông lớn

2.2. Doanh thu bán hàng và CCDV, DTHĐTC

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	642.150.974	60.348.701
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	122.621.406	170.995.160
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	495.025.744	231.392.872
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải	469.556.800	1.113.379.904
Công ty TNHH MTV Vận Tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	222.760	2.590.165
Công ty TNHH Container Minh Thành	1.671.872.223	2.770.523
Cộng	3.401.449.907	1.581.477.325

2.3 Cổ tức lợi nhuận được chia

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	1.265.919.954	3.803.515.147
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	14.384.315.752	13.802.719.722
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	2.112.766.023	2.156.047.952
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải	1.460.740.428	9.840.906.673
Cộng	19.223.742.157	29.603.189.494

2.4. Mua hàng hóa dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải	8.183.459.361	6.380.651.325
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	795.850.397	3.252.094.089
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	136.081.000	254.522.000
Cộng	9.115.390.758	9.887.267.414

2.5 Các khoản phải thu

Tại ngày 31/12/2017 Tại ngày 01/01/2017

a Phải thu cho vay

Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	6.972.000.000	8.568.282.000
Công ty TNHH Container Minh Thành	22.750.000.000	26.750.000.000

b Phải thu khách hàng

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	110.000.000	-
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải	-	88.000.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Cho năm tài chính

Điện thoại: (0225) 3978895 - Fax: (0225) 3978895

Kết thúc ngày 31/12/2017

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	-	30.116.975
--	---	------------

c Phải thu khác***Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia***

Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	1.402.670.960	2.275.828.394
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	5.138.613.658	7.754.951.416
Công ty TNHH Vận Tải Duyên Hải	249.777.681	316.312.562

Phải thu khác

Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	27.236.889	29.512.971
Công ty TNHH Container Minh Thành	2.334.425.520	22.662.553.297
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	593.824.000	324.060.000
Công ty TNHH Vận Tải Duyên Hải	-	178.475.000

Phải thu khác dài hạn

Công ty TNHH Container Minh Thành	900.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	-	2.472.000.000
Công ty TNHH MTV Vận Tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	-	1.066.000.000

Cộng	40.478.548.708	72.516.092.615
-------------	-----------------------	-----------------------

2.6 Các khoản phải trả

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
--	----------------------------	----------------------------

Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	19.360.000	28.604.400
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	1.505.844.863	1.475.732.768
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	5.638.753	361.244.693

Phải trả khác ngắn hạn

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	3.920.275.059	2.106.044.935
Công ty TNHH MTV Vận tải ĐPT Duyên Hải HN	1.050.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	2.124.111.111	7.000.000.000

Phải trả vay dài hạn

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	7.000.000.000	-
Cộng	15.625.229.786	10.971.626.796

2.7 Thu nhập, thù lao, thưởng HĐQT, Ban Tổng GD và BKS

	Năm nay	Năm trước
--	----------------	------------------

Thu nhập, thù lao, thưởng HĐQT, Ban Tổng GD và BKS	1.351.877.500	1.509.034.084
--	---------------	---------------

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

3 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận và khu vực địa lý

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp

Công ty có kinh doanh các dịch vụ chính sau:

Kinh doanh dịch vụ: Dịch vụ xuất tàu Shiptside, dịch vụ kho CFS, dịch vụ bãi và cho thuê bãi.

Kinh doanh thương mại: Bán hàng hoá, thành phẩm...

Thông tin về kết quả kinh doanh về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Doanh thu theo bộ phận	Chi phí theo bộ phận	KQKD theo bộ phận
Kinh doanh dịch vụ	136.980.989.276	103.411.272.981	33.569.716.295
Kinh doanh thương mại	22.977.844.009	17.895.606.329	5.082.237.680
Cộng	159.958.833.285	121.306.879.310	38.651.953.975
Các chi phí không phân bổ theo BP			(19.213.891.845)

Thông tin về kết quả kinh doanh về bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

Năm nay	Hải Phòng	Phú Thọ	Hà Nội
Doanh thu thuần về bán hàng và DV	68.367.603.384	91.550.671.101	40.558.800
Giá vốn thương mại và DV	114.570.579.061	6.716.700.249	19.600.000
Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	(46.202.975.677)	84.833.970.852	20.958.800
Doanh thu HĐ tài chính	3.240.638.398	4.873.836	24.024
Chi phí tài chính	31.927.685	27.901.220	-
Chi phí bán hàng	-	-	-
Chi phí quản lý DN	17.131.378.661	2.012.170.572	70.342.612
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(60.125.643.625)	82.798.772.896	(49.359.788)
Thu nhập khác	591.747.520	131.226.222	302.147.030
Chi phí khác	86.024.083	-	-
Lợi nhuận khác	505.723.437	131.226.222	302.147.030
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(59.619.920.188)	82.929.999.118	252.787.242
Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	2.180.482.499	3.770.537.040	-
Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại	(53.180.339)	-	-

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong kỳ hoạt động tiếp theo.

6. Những thông tin khác

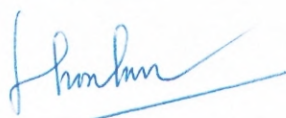
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

7. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
	Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1	Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
-	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	51%	56%
-	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	49%	44%
1.2	Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
-	Nợ phải trả/Tổng tài sản	9%	10%
-	Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	10%	12%

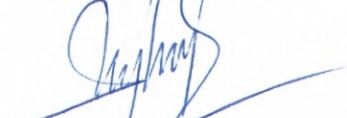
Hải Phòng, ngày 21 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu



Hoàng Thị Ngọc Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy



Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Thái Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Điện thoại: (0225) 3978895 - Fax: (0225) 3978895

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2017

Phụ lục 01**11.a Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Nội dung		Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
1	Thuế GTGT	611.510.548	25.663.036.648	25.739.508.587	535.038.609
	Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	18.885.638	1.504.692.542	1.491.505.629	32.072.551
	Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	118.225.758	7.213.739.516	7.151.131.068	180.834.206
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	120.360.957	2.653.137.581	2.660.229.246	113.269.292
	Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	-	211.532.000	207.933.767	3.598.233
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	249.265.421	9.286.482.979	9.330.484.073	205.264.327
	Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải	104.772.774	3.808.352.248	3.913.125.022	-
	Công ty TNHH Container Minh Thành	-	985.099.782	985.099.782	-
2	Thuế TNDN	1.528.218.030	5.950.972.086	6.086.259.381	1.392.930.735
	Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	-	893.353.555	538.909.078	354.444.477
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	83.608.189	336.680.839	322.110.740	98.178.288
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	1.036.408.618	3.770.537.040	4.036.408.618	770.537.040
	Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	161.751.051	561.905.857	553.885.978	169.770.930
	Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải	246.450.172	388.494.795	634.944.967	-
3	Thuế TNCN	15.254.114	1.016.711.851	992.931.187	39.034.778
	Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	8.305.844	953.897.721	950.992.790	11.210.775
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	980.178	13.037.977	11.601.435	2.416.720
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	3.944.700	11.792.819		15.737.519
	Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	1.482.962	26.084.733	22.109.997	5.457.698

	Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải	540.430	11.866.293	8.226.965	4.179.758
	Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	-	32.308		32.308
4	Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.953.787.728	1.953.787.728	-
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	576.445.000	576.445.000	-
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	-	239.001.728	239.001.728	-
	Công ty TNHH Container Minh Thành	-	1.138.341.000	1.138.341.000	-
5	Các loại thuế khác	-	19.000.000	19.000.000	-
	Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải		3.000.000	3.000.000	-
	Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải		3.000.000	3.000.000	-
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải		3.000.000	3.000.000	-
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	-	2.000.000	2.000.000	-
	Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội		2.000.000	2.000.000	
	Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải		3.000.000	3.000.000	-
	Công ty TNHH Container Minh Thành	-	3.000.000	3.000.000	-
	Cộng	2.154.982.692	34.603.508.313	34.791.486.883	1.967.004.122

11.b Thuế và các khoản phải thu nhà nước

Nội dung		Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	Thuế TNDN	84.836.462		-	84.789.009
	Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	47.453	47.453		-
	Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	-	-	60.429.406	60.429.406
	Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải		-	56.192.617	56.192.617
	Công ty TNHH Container Minh Thành	84.789.009			84.789.009
	Cộng	84.836.462	-		201.411.032

